

Số: /QĐ-UBND

Thủ Thừa, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn;

*Căn cứ Văn bản số 529/BXD-QHKT ngày 17/02/2023 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến về việc điều chỉnh giảm diện tích dự án KCN Thủ Thừa, tỉnh Long An;*

*Căn cứ Văn bản số 1222/BKHĐT-QLKKT ngày 23/02/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh giảm diện tích dự án Khu công nghiệp Thủ Thừa;*

*Căn cứ Văn bản số 590/QHPTTND-PPTTND ngày 6/4/2023 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lấy ý kiến điều chỉnh giảm diện tích dự án Khu Công nghiệp Thủ Thừa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 03/11/2023 của HĐND tỉnh Long An về việc thông qua đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;*

*Căn cứ Quyết định số 12213/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An;*

*Căn cứ Văn bản số 2934/STNMT – QLDD ngày 04/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An về việc góp ý kiến đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp Thủ Thừa.*

*Căn cứ Văn bản số 1686/SXD – QHKT ngày 08/5/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc góp ý kiến đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp Thủ Thừa.*

*Căn cứ Văn bản số 964/BQLKKT-XD ngày 07/5/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An về việc góp ý kiến đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp Thủ Thừa.*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần IDTT tại tờ trình số 247/TTr-BĐTKD&QLDA ngày 15/5/2024 của Công ty cổ phần IDTT và Báo cáo kết quả thẩm định của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thủ Thừa tại văn bản số 271/TĐQH-KT&HT ngày 21/5/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, với nội dung như sau:

\* **Tên gọi:** Đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

\* **Địa điểm lập quy hoạch:** Thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

\* **Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Công ty cổ phần IDTT.

\* **Đơn vị tư vấn:** Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa.

### **I. Lý do, sự cần thiết:**

- Dự án đã hoàn chỉnh các thủ tục về đầu tư, quy hoạch đã được UBND tỉnh Long An phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch tại Quyết định số 12213/QĐ-UBND ngày 22/12/2023.

- Đề phục vụ cho công tác lập dự án đầu tư và là cơ sở để cấp giấy phép xây dựng việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thủ Thừa là cần thiết và đúng quy định của Pháp luật.

## **II. Vị trí, giới hạn, diện tích**

- Khu đất lập quy hoạch nằm trên địa bàn thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa. Ranh giới khu đất được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: Giáp kênh Muong Khai và đất canh tác của dân.

+ Phía Nam: Giáp khu tái định cư phục vụ cho khu công nghiệp và đất của dân hiện hữu.

+ Phía Đông: Giáp với kênh Bo Bo.

+ Phía Tây: Giáp kênh Bà Báng.

- Quy mô diện tích: 170,706ha

## **III. Tính chất khu công nghiệp:**

Khu công nghiệp Thủ Thừa tiếp nhận một phần các dự án sản xuất với công nghệ cao, phần còn lại bố trí các loại hình sản xuất công nghiệp khác ít ô nhiễm, ô nhiễm trung bình và tiếp nhận lại các loại hình như sau:

### **1. Các dự án sản xuất công nghệ cao**

+ Dự án sản xuất các thiết bị điện, điện tử.

+ Dự án sản xuất linh kiện điện, điện tử.

+ Dự án sản xuất cáp viễn thông.

+ Dự án sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không bao gồm sản xuất sản phẩm Quang học).

### **2. Nhóm các dự án về cơ khí (không đúc, luyện)**

+ Dự án cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị.

+ Dự án sản xuất phương tiện vận tải (chỉ bao gồm sản xuất mô tô, xe máy)

+ Dự án bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (chỉ bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy).

+ Dự án Sản xuất sản phẩm từ kim loại, đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) (có công đoạn xi mạ (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm.

### **3. Nhóm các dự án chế biến thực phẩm, sản xuất đồ uống**

+ Dự án chế biến thực phẩm.

+ Dự án chế biến thủy hải sản từ nguyên liệu tươi qua sơ chế, dầu thực vật.

+ Dự án sản xuất đường, bột ngọt.

+ Dự án sản xuất nước giải khát.

+ Dự án chế biến sữa.

+ Dự án chế biến dầu ăn.

+ Dự án sản xuất bánh kẹo.

+ Dự án sản xuất cồn, rượu, bia.

### **4. Nhóm các dự án về dược phẩm, mỹ phẩm**

+ Dự án sản xuất hóa mỹ phẩm.

+ Dự án sản xuất dược phẩm.

+ Dự án sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

### **5. Nhóm dự án sản xuất nhựa gia dụng, bao bì nhựa (từ hạt nhựa)**

+ Dự án Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (chỉ bao gồm sản xuất nhựa gia dụng, bao bì nhựa).

### **6. Nhóm các dự án sản xuất thiết bị trang trí nội thất**

+ Dự án Sản xuất giường, tủ, bàn ghế.

### **7. Nhóm các dự án về may mặc**

+ Dự án gia công các sản phẩm may mặc không có công đoạn giặt tẩy.

+ Dự án sản xuất trang phục (có công đoạn nhuộm, tẩy, in (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm).

+ Dự án dệt (có công đoạn nhuộm (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm).

### **8. Nhóm các dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp**

+ Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm rạ và vật liệu tét bện.

### **9. Nhóm dự án hóa chất**

+ Dự án sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất (chỉ bao gồm sản xuất phân bón (chỉ phối trộn), chất tẩy rửa, thuốc nhuộm, sơn mực in).

Trong đó phân chia thành 3 Cụm gồm:

**a) Cụm 1: Khu vực công nghiệp kiểm soát công nghệ, bố trí tại các Khu I, H, J:**

- Công nghiệp sản xuất sản phẩm trang trí nội thất.
- Nhóm dự án chế biến thực phẩm, nước giải khát.
- Nhóm dự án về may mặc.
- Dự án Sản xuất sản phẩm từ kim loại, đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) (có công đoạn xi mạ (không gia công) để hoàn thiện sản phẩm).
- Nhóm dự án hóa chất.

**b) Cụm 2: Khu vực công nghiệp ô nhiễm vừa, bố trí tại các Khu B, C, D:**

- Dự án sản xuất nhựa gia dụng, bao bì nhựa (từ hạt nhựa).
- Dự án Sản xuất phương tiện vận tải (chỉ bao gồm sản xuất mô tô, xe máy)
- Dự án bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (chỉ bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy)
- Dự án cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị- Dự án sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm
- Ngành nghề hỗ trợ phát triển nông nghiệp: (Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm rạ và vật liệu tét bện).

**c) Cụm 3: Khu vực công nghiệp ít ô nhiễm, bố trí tại các Khu A, E, F, G:**

- Dự án sản xuất các thiết bị điện, điện tử.
- Dự án sản xuất linh kiện điện, điện tử.
- Dự án sản xuất cáp viễn thông.
- Dự án sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không bao gồm sản xuất sản phẩm Quang học)

## **IV. Quy hoạch sử dụng đất:**

### **1. Phân khu chức năng:**

**a) Đất nhà máy, kho tàng:**

- Diện tích đất xây dựng nhà máy, kho tàng: 114,560 ha, chiếm tỷ lệ 67,11% diện tích toàn Khu công nghiệp, chia thành 3 cụm gồm 10 Khu.

+ Khu A: 3 lô, diện tích: 10,338 ha

+ Khu B: 8 lô, diện tích: 17,475 ha

+ Khu C: 2 lô, diện tích: 3,776 ha

+ Khu D: 8 lô, diện tích: 14,542ha

+ Khu E: 8 lô, diện tích: 11,367 ha

+ Khu F: 6 lô, diện tích: 17,180 ha

+ Khu G: 6 lô, diện tích: 8,404 ha

+ Khu H: 8 lô, diện tích: 13,554ha

+ Khu I: 8 lô, diện tích: 9,681 ha

+ Khu J: 3 lô, diện tích: 8,243ha

- Mật độ xây dựng thuần của các lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng  $\leq$  70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa 60%.

- Tỷ lệ đất cây xanh trong từng nhà máy tối thiểu 20% diện tích đất.

- Chỉ giới xây dựng: lùi 6m so với chỉ giới đường đỏ

**b) Đất khu kỹ thuật:**

- Diện tích 3,892ha chiếm 2,28% diện tích toàn Khu công nghiệp gồm:

+ Đất nước sạch: 0,649 ha.

+ Đất Trạm biến áp: 0,583ha.

+ Đất trạm xử lý nước thải: 2,66 ha.

(Dãy cây xanh cách ly xung quanh khu xử lý nước thải phải đảm bảo chiều rộng  $\geq$  10m).

- Mật độ xây dựng tối đa 50%.

- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

**c) Đất bến thủy nội địa**

- Diện tích 2,00 ha chiếm 1,17% diện tích toàn khu công nghiệp được bố trí cặp kênh Bo Bo, phục vụ công tác vận tải nguyên vật liệu hàng hóa thành phẩm theo đường sông, công trình có bến cho các phương tiện neo đậu và có hệ thống bến bãi, nhà xưởng và nhà điều hành đầy đủ và hiện đại.

- Công trình xây dựng cách mép kênh Bo Bo tối thiểu 25m.

- Mật độ xây dựng tối đa 50%.

- Tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

**d) Giao thông**

Diện tích đất xây dựng đường giao thông là 22,718ha (chiếm tỷ lệ 13,31% diện tích toàn khu).

**đ) Đất cây xanh:**

- Diện tích đất cây xanh 17,462ha (chiếm tỷ lệ 10,23% diện tích toàn khu).

- Ngoài các mảng cây xanh tập trung của Khu công nghiệp, trong từng xí nghiệp cũng phải có tỷ lệ cây xanh nhất định (ít nhất 20% diện tích đất).

**e) Đất mặt nước:**

Diện tích 9,402ha, bố trí ở khu vực đất cây xanh cảnh quan gần khu vực kênh Bo Bo.

**g) Đất văn hóa thể thao:**

- Diện tích 0,172ha chiếm 0,1% diện tích toàn khu công nghiệp.
- Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

**h) Khu hành chính, dịch vụ, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy:**

- Đất an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy diện tích 0,5ha, bố trí phía tây bắc dự án gần hồ chứa nước. Mật độ xây dựng tối đa 50%, chiều cao xây dựng tối đa 3 tầng.

- Do tiến độ triển khai và thực hiện thủ tục của các dự án có liên quan, Công ty CP IDTT đã xây dựng nhà điều hành chung của hai dự án khu công nghiệp và khu tái định cư tại khu đất có diện tích khoảng 957 m<sup>2</sup> thuộc Khu tái định cư thị trấn Thủ Thừa nằm liền kề dự án này và đã được UBND huyện Thủ Thừa phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 26/6/2020. Trước đây theo Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 thì UBND tỉnh đã chấp thuận không bố trí đất công trình hành chính dịch vụ tại khu công nghiệp do chủ đầu tư không còn nhu cầu sử dụng đối với loại đất này. Hiện nay việc không bố trí đất hành chính dịch vụ trong khu công nghiệp là phù hợp với quy định về sử dụng đất tại mục 2.5.3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, mã số QCVN 01:2021/BXD.

- Mật độ xây dựng tối đa 40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng.

**2. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:**

- Đất nhà máy, kho tàng	114,560 ha	(67,11%)
- Đất cây xanh	17,462 ha	(10,23%)
+ Đất cây xanh cảnh quan	5,257 ha	(3,08%)
+ Đất cây xanh cách ly	12,205 ha	(7,15%)
- Đất mặt nước	9,402 ha	(5,51%)
- Đất khu kỹ thuật	3,892 ha	(2,28%)
- Đất An ninh-Phòng cháy và chữa cháy	0,500 ha	(0,29%)
- Đất văn hóa - thể thao	0,172 ha	(0,10%)
- Đất bến thủy nội địa	2,000 ha	(1,17%)
- Đất giao thông	22,718 ha	(13,31%)

**Tổng cộng** **170,706 ha** **100,000%**

**IV. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

**1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

**a) San nền:**

Cao độ nền trong các công trình là +1,50m (Cao độ quốc gia Hòn Dấu). Cao độ quy hoạch tại tim đường bám theo cao độ đường giao thông đường ĐT.818 hiện hữu (cao độ đường ĐT.818 đoạn qua khu quy hoạch từ +2,3m đến +2,5m), chọn cao độ quy hoạch tại tim đường khu công nghiệp là +2.3m.

**b) Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Xây dựng hệ thống công bê tông cốt thép dọc theo vỉa hè các trục đường để thu và thoát nước mưa, sau đó thoát ra kênh.

- Hướng thoát nước: Toàn bộ lưu vực thoát nước chia thành 7 lưu vực.

+ Lưu vực 1, lưu vực 2 và lưu vực 7 nằm phía Tây khu quy hoạch, nước mưa 3 khu vực này được xả về rạch Bà Báng.

+ Lưu vực 3, lưu vực 4 và lưu vực 6 nằm phía Đông khu quy hoạch, nước mưa lưu vực này được xả về kênh Bo Bo.

+ Lưu vực 5 nằm ở phía Bắc khu quy hoạch, nước mưa lưu vực này được xả về kênh Ranh.

## **2. Giao thông:**

**a) Giao thông đối ngoại:** Đường tỉnh 818 có lộ giới 40m

**b) Giao thông đối nội:**

- Đường N2 (mặt cắt 2-2): Lộ giới: 41,0m, trong đó: Dãy phân cách ở giữa rộng 10m; mặt đường hai bên rộng 7,5mx2; vỉa hè hai bên rộng 8,0mx2.

\* Đường nội bộ Khu vực công nghiệp:

- Đường N1, N4, D1, D2, D5 (mặt cắt 3-3): Lộ giới: 23,5m, trong đó: mặt đường rộng 7,5m; vỉa hè hai bên rộng 8,0mx2.

- Đường D3, D4 (mặt cắt 1-1) là 2 tuyến đường song hành của khu công nghiệp, chạy dọc đường ĐT. 818. Lộ giới: 18,5m, trong đó mặt đường rộng 7,5m; vỉa hè một bên rộng 3,0m và một bên rộng 8,0m;

- Đường N3 (mặt cắt 3A-3A) lộ giới: 18,5m, trong đó: mặt đường rộng 7,5m; vỉa hè một bên rộng 3,0m và một bên rộng 8,0m.

\* Giao thông thủy: Bố trí bến cảng với diện tích 2,00ha

## **3. Cấp điện:**

**a) Nguồn điện:**

- Trước mắt, nguồn điện được lấy từ nhánh rẽ trung thế hiện hữu trên đường ĐT.818 từ trạm 110/22kV – (2x63) tại KCN Hòa Bình. Về lâu dài, xây dựng trạm dựng trạm biến áp 110/22kV trong Khu công nghiệp với diện tích 0,583ha đáp ứng nhu cầu cấp điện cho khu công nghiệp Thủ Thừa phù hợp.

**b) Nhu cầu dùng điện:**

- Tổng công suất (tính đến 10% tổn hao và 5% dự phòng): 30.080 kW.

**c) Mạng lưới:**

- Kết nối từ đường dây 22kV hiện hữu dọc đường tỉnh 818 dẫn đến các công trình. Các tuyến dây điện đi trên trụ bê tông ly tâm có độ cao đảm bảo theo quy định của ngành điện.

- Bố trí trạm 22/0,4kVA tại vị trí thuận lợi để cấp điện cho đèn đường.

## **4. Cấp nước:**

**a) Nguồn nước:** Sử dụng nước từ hệ thống cấp nước chung của tỉnh và nhà máy nước đặt tại phía bắc của khu công nghiệp Thủ Thừa.

**b) Nhu cầu dùng nước:** 9.000 m<sup>3</sup>/ngày.

**c) Mạng lưới:**

- Mạng lưới cấp nước thiết kế theo dạng mạch vòng, nhằm đảm bảo cấp nước liên tục cho các nhà máy.

- Xây dựng mạng lưới đường ống có đường kính từ D160-D300, dẫn nước đến các nhà máy công nghiệp. Sử dụng ống HDPE.

#### **5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Tổng lưu lượng nước thải là 8.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Thu gom nước thải công nghiệp phải đạt  $\geq 80\%$  lượng nước cấp cho khu quy hoạch.

- Xây dựng mạng lưới thoát nước thải tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Gồm các tuyến cống HDPE hoặc nhựa chuyên dùng Ø400 đặt ngầm dọc theo các vỉa hè thu gom nước thải từ các công trình đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Xây dựng trạm xử lý nước thải có tổng công suất là 8.000m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải được xử lý theo 2 cấp:

+ Cấp thứ I: Xử lý riêng nước thải trong từng nhà máy theo tiêu chuẩn do Ban quản lý của khu công nghiệp đề ra và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi xả vào mạng lưới thoát nước chung của khu vực.

+ Cấp thứ II: Xử lý nước tại trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp, đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột A), dẫn ra hồ điều hòa để kiểm soát trước khi thoát ra rạch (giáp phía bắc dự án), ra nguồn tiếp nhận là kênh.

- Xây dựng các hố ga đường ống thoát nước sau xử lý bên ngoài doanh nghiệp thứ cấp và khu xử lý nước thải của khu công nghiệp để thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của cộng đồng.

#### **\* Xử lý chất thải rắn:**

Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, chủ đầu tư khu công nghiệp phối hợp nhà đầu tư thứ cấp hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên xử lý để thu gom và xử lý theo quy định.

**6. Thông tin liên lạc:** Toàn bộ mạng lưới đường dây thông tin liên lạc trong khu công nghiệp đặt ngầm.

#### **7. Cây xanh:**

Trong khu công nghiệp bố trí cây xanh theo loại hình: Trồng theo các trục đường của khu công nghiệp; trồng cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu vực lân cận. Ngoài các mảng cây xanh tập trung, trong từng công trình cũng phải có tỷ lệ cây xanh nhất định (ít nhất 20% diện tích đất).

**8. Quy định quản lý xây dựng:** *Đính kèm theo quyết định này.*

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng theo các nội dung, như sau:

- Triển khai dự án đúng theo diện tích quy hoạch được duyệt, đồng thời đúng theo trích đo bản đồ địa chính mới nhất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

- Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố. Việc cắm mốc giới theo quy định về cắm giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

- Khi triển khai dự án phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện



hữu của khu vực, đồng thời đảm bảo kết nối hài hòa với hạ tầng kỹ thuật xung quanh.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày đồ án quy hoạch được phê duyệt, chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Thủ Thừa công bố công khai quy hoạch theo quy định.

- Báo cáo các ngành có liên quan chi tiết tiến độ thực hiện đầu tư (3 tháng 1 lần) và phối hợp triển khai chặt chẽ để bảo đảm thực hiện công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp và đồng bộ với dự án đầu tư.

- Phối hợp với UBND huyện Thủ Thừa, Ban Quản lý khu kinh tế và các ngành có liên quan công bố công khai đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thủ Thừa chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo quy hoạch được duyệt và đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài chính Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Trung tâm VH-TT và Truyền thanh; Chủ tịch UBND thị trấn Thủ Thừa; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần IDTT; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TTHU-TT HĐND huyện;
- UBND huyện (CT, các PCT);
- Như điều 3;
- LĐVP;
- NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Quân**